

Bản án số: 26/2018/HS-ST
Ngày: 16-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Lê Thu - Cán bộ Phòng giáo dục Quận 11.

2. Bà Vũ Thị Thân - Cán bộ hưu trí Phường 10, Quận 11.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

Âu Quang T, sinh ngày: 05/7/2002; tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: đường NVL, Phường M, Quận S, Thành phố H; chỗ ở: đường HB, phường HT, quận TP, Thành phố H. Từ tháng 12/2017 đăng ký tạm trú tại số đường BTĐ, phường BTĐ, quận BT, Thành phố H; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 9/12; con ông Âu Cẩm Thành và bà Thái Đoàn Phương T1; tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2017 đến ngày 28/9/2017, hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Phạm Khánh V, sinh ngày: 14/12/2002; tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: đường PVC, Phường B, Quận S, Thành phố H; chỗ ở: đường PD, Phường MS, Quận T, Thành phố H; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 10/12; con ông Phạm Hồng Phong và bà Nguyễn Thị Kim H; tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2017 đến ngày 28/9/2017, hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của Âu Quang T:

Bà Thái Đoàn Phương T1, sinh năm: 1980; địa chỉ: đường NVL, Phường M, Quận S, Thành phố H; chỗ ở: đường BTĐ, phường BTĐ, quận BT, Thành phố H. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Âu Quang T:

Ông Nguyễn Khắc Hiếu, sinh năm: 1950 – Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 470 đường Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của Phạm Khánh V:*

Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1976; địa chỉ: đường PVC, Phường B, Quận S, Thành phố H; chỗ ở: đường PD, Phường MS, Quận T, Thành phố H. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Khánh V:*

Ông Cao Thái Hòa, sinh năm: 1957 – Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 470 đường Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.(có mặt)

- *Người bị hại:*

Em Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày: 16/11/2002; địa chỉ: đường KDV, phường AL, quận BT, Thành phố H. (vắng mặt)

- *Người giám hộ của người bị hại:*

Bà Trần Thị N1, sinh năm: 1975; địa chỉ: đường KDV, phường AL, quận BT, Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 45 phút ngày 25/9/2017, Âu Quang T điều khiển xe Attila biển số 54K5-0717 chở Phạm Khánh V lưu thông trên các tuyến đường thuộc Quận 11 với mục đích là tìm người có tài sản để chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài. Khi lưu thông trên đường Lê Đại Hành hướng về phía đường 3/2, T phát hiện em Trần Thị Huỳnh N đang ngồi sau xe máy do Trà Thị Kiệp Oanh điều khiển lưu thông phía trước cùng chiều, đang cầm điện thoại di động sử dụng. T nói cho V biết và rủ V cướp giật tài sản của em N. Khi đến trước số 150 đường Lê Đại Hành, Phường 7, Quận 11 T chở V từ phía sau vượt lên áp sát vào bên phải xe của N. T dùng tay trái giật điện thoại di động của N rồi chuyển ra phía sau cho V giữ. Sau đó, T tăng ga chở V bỏ chạy về hướng giao lộ đường 3/2 – Lê Đại Hành – Lãnh Binh Thăng – Phó Cơ Điều. Em N tri hô và cùng Oanh đuổi theo. Khi chạy đến trước cửa hàng mua bán xe Hoàng Việt, địa chỉ số 02 đường Lãnh Binh Thăng, Phường 13, Quận 11, xe của T va quẹt với xe của người đi đường bị té ngã. T và V bị bắt giữ cùng vật chứng là 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note II màu trắng và phương tiện giao cho Công an Phường 7, Quận 11 lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang.

Theo Kết luận định giá tài sản số 108/KLĐGTS ngày 29/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận 11 kết luận 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note II màu trắng trị giá 800.000đồng.

Tại cơ quan điều tra hai bị cáo Âu Quang T, Phạm Khánh V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án gồm có:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note II màu trắng là tài sản của em Trần Thị Huỳnh N. Cơ quan Công an đã lập biên bản trả lại cho em N và em N không yêu cầu bồi thường gì khác.

- 01 điện thoại di động hiệu Sony và 01 xe mô tô hiệu SYM, biển số 54K5-0717 là phương tiện mà hai bị cáo dùng để chiếm đoạt tài sản. Qua xác minh, chiếc xe trên do bà Thái Đoàn Phương T1 là mẹ của bị cáo T đứng tên chủ sở hữu. Bà Trang không biết việc bị cáo T sử dụng chiếc xe trên vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra Công an Quận 11 đã trả lại cho bà Trang số tài sản trên.

Bản cáo trạng số: 10/Ctr-VKS ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đã truy tố bị cáo Âu Quang T và Phạm Khánh V về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận: Vào khoảng 18 giờ 45 phút ngày 25/9/2017, tại trước nhà số 150 đường Lê Đại Hành, Phường 7, Quận 11 bị cáo Âu Quang T Tuấn chở Vinh từ phía sau vượt lên áp sát vào bên phải xe của N. T dùng tay trái giật điện thoại di động hiệu Samsung Note II rồi chuyển ra phía sau cho V giữ, sau đó tăng ga bỏ chạy như bản Cáo trạng đã nêu.

Trong phần luận tội, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 kiểm tra toàn diện các chứng cứ của vụ án, kiểm tra các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và đã kết luận có đủ căn cứ để truy tố và xét xử bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) như Cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Với tình tiết tăng nặng: Người bị hại là trẻ em nên thuộc trường hợp được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tình tiết giảm nhẹ: Cả hai bị cáo khi phạm tội còn là trẻ em, có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại, các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, hiện vẫn còn đang đi học nên cần tạo điều kiện cho các bị cáo tiếp tục học hành cũng như giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 136; Điểm h Khoản 1 Điều 48; Điểm p Khoản 1, 2 Điều 46; Khoản 1, 2 Điều 60; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Âu Quang T mức án từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có ấn định thời gian thử thách.

Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 136; Điểm h Khoản 1 Điều 48; Điểm p Khoản 1, 2 Điều 46; Khoản 1, 2 Điều 60; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Phạm Khánh V mức

án từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có ấn định thời gian thử thách.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T và V: Thống nhất với tội danh và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị đối với các bị cáo, tuy nhiên cũng xin Hội đồng xem xét thêm một số tình tiết để có thể giảm nhẹ thêm một phần mức hình phạt cho các bị cáo. Cụ thể đối với bị cáo T: khi phạm tội là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế, tài sản đã thu hồi trả cho người bị hại v.vv...; Đối với bị cáo V: Vai trò đồng phạm thứ yếu, bị rủ rê lôi kéo.

Các bị cáo không bào chữa bổ sung, đại diện Viện kiểm sát và Luật sư tham gia tranh luận bảo vệ quan điểm của mình.

Người đại diện hợp pháp của các bị cáo không có ý kiến gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 11, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo và bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội:

Vào khoảng 18 giờ 45 phút ngày 25/9/2017, bị cáo Âu Quang T chở V từ phía sau vượt lên áp sát vào bên phải xe của em N bất ngờ giật điện thoại di động hiệu Samsung Note II rồi chuyển ra phía sau cho V giữ, sau đó tăng ga bỏ chạy. Hành vi của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Như vậy, xét có cơ sở để xác định hành vi của các bị cáo Âu Quang T và Phạm Khánh V đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với em Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày: 16/11/2002 (đến ngày phạm tội là 14 tuổi 10 tháng 9 ngày) là phạm tội đối với trẻ em nên thuộc trường hợp được quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Riêng đối với bị cáo T là người khởi xướng, là người điều khiển phương tiện phạm tội cũng như trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên sẽ phải chịu trách nhiệm có phần nặng hơn so với bị cáo V.

Về tình tiết giảm nhẹ: Cả hai bị cáo khi phạm tội còn là trẻ em, có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại, các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, hiện vẫn còn đang đi học nên để tạo điều kiện cho các bị cáo tiếp tục học hành cũng như giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

Riêng đối với bị cáo V, có sự đồng tình trong việc phạm tội tuy nhiên mức độ hạn chế, thụ động và bị rủ rê lôi kéo nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo đang là học sinh và không có thu nhập, đang ở cùng với gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn, không còn tài sản nào khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d Khoản 2 Điều 136; Điểm h Khoản 1 Điều 48; Điểm p Khoản 1, 2 Điều 46; Khoản 1, 2 Điều 60; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009):

Tuyên bố các bị cáo Âu Quang T, Phạm Khánh V phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt các bị cáo:

Âu Quang T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Âu Quang T cho Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi địa chỉ thì thực hiện theo Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Phạm Khánh V 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Phạm Khánh V cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí

Minh giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi địa chỉ thì thực hiện theo Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TAND – VKSND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Công an TP.HCM
- VKSND Quận 11;
- Công an Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Duyên